Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-29 15:07:52 +07:00

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2026/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 21/2023/QH15, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 52/2024/QH15, Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Kế hoạch và tài chính;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân, bao gồm:

a) Quản lý, thanh toán vốn đầu tư qua Bộ Công an đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, gồm phân bổ vốn hàng năm, tạm ứng vốn và thanh toán khối lượng hoàn thành;

b) Quản lý, thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Nhà nước đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, gồm phân bổ vốn hàng năm, mở tài khoản, tạm ứng vốn và thanh toán khối lượng hoàn thành;

c) Quyết toán dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân gồm quyết toán theo niên độ và quyết toán vốn dự án hoàn thành.

2. Vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân quy định tại Thông tư này gồm:

a) Vốn đầu tư phát triển;

b) Vốn đầu tư trong chi thường xuyên;

c) Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Nhiệm vụ, dự án trong Công an nhân dân không sử dụng nguồn vốn tại Khoản 2 Điều này chưa có quy định riêng được áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Bộ Công an, Công an các tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung Công an các đơn vị, địa phương) và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân.

Điều 3. Biểu mẫu sử dụng trong quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước

Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Giấy đề nghị cấp vốn đầu tư (Mẫu số 01/ĐNCV).

2. Báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư (Mẫu số 02/BCVĐT).

3. Báo cáo quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (Mẫu số 03/QTNĐ).

4. Báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (Mẫu số 04/QTDA và mẫu số 05/QTDA).

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
Mục 1
QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 4. Cơ quan thanh toán vốn đầu tư qua Bộ Công an

Bộ Công an ủy quyền Cục Kế hoạch và tài chính làm nhiệm vụ kiểm soát, giải ngân vốn đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ được Bộ Công an ủy quyền kiểm soát, giải ngân vốn, Cục Kế hoạch và tài chính thực hiện quản lý, thanh toán vốn qua Bộ Công an theo Điều 6 Thông tư này đối với nhiệm vụ, dự án quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Nhiệm vụ, dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước thanh toán vốn qua Bộ Công an

1. Dự án đầu tư công bí mật nhà nước của Bộ Công an theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP do Bộ Công an quyết định đầu tư có độ mật gồm Mật, Tối mật, Tuyệt mật.

2. Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư trong chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP.

3. Dự án đầu tư bí mật nhà nước do Bộ Công an quyết định đầu tư có độ mật gồm Mật, Tối mật, Tuyệt mật sử dụng vốn ngân sách nhà nước không thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong Công an nhân dân.

Điều 6. Quản lý, thanh toán vốn qua Bộ Công an

1. Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền giao, Cục Kế hoạch và tài chính phối hợp với đơn vị có liên quan đề xuất lãnh đạo Bộ Công an phương án phân bổ vốn đầu tư hàng năm, thực hiện phân bổ chi tiết vốn đầu tư hàng năm và thông báo chỉ tiêu kế hoạch vốn cho chủ đầu tư theo quy định.

2. Căn cứ danh mục và chỉ tiêu kế hoạch vốn của dự án đầu tư thực hiện thanh toán vốn qua Bộ Công an và tiến độ triển khai các dự án, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị Bộ Tài chính chuyển vốn cho Bộ Công an bằng hình thức lệnh chi tiền vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước. Cục Kế hoạch và tài chính tiếp nhận vốn từ ngân sách nhà nước vào tài khoản của Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các dự án quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Đối với các dự án đầu tư công bí mật do Bộ Công an quyết định đầu tư và có sử dụng nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ: Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định giao kế hoạch vốn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Công an địa phương phối hợp với Sở Tài chính chuyển tiền vào tài khoản của Bộ Công an để thanh toán cho dự án theo quy định.

3. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn, tiến độ thực hiện dự án, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp vốn về Cục Kế hoạch và tài chính.

4. Hồ sơ đề nghị cấp vốn lần đầu

Chủ đầu tư gửi Giấy đề nghị cấp vốn đầu tư theo Mẫu số 01/ĐNCV ban hành kèm theo Thông tư này và hồ sơ pháp lý của dự án (chỉ gửi 01 lần và nộp bổ sung khi hồ sơ pháp lý của dự án phát sinh, điều chỉnh) bao gồm:

a) Đối với nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư gồm các tài liệu sau đây: Dự toán chi phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thực hiện nhiệm vụ quy hoạch,

nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) và các tài liệu có liên quan;

b) Đối với dự án gồm các tài liệu sau đây: Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Quyết định phê duyệt dự toán đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình; Dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng (nếu có), phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi các nội dung của hợp đồng (nếu có) và các văn bản điều chỉnh (nếu có), tài liệu có liên quan.

5. Hồ sơ đề nghị cấp vốn các lần tiếp theo: Chủ đầu tư gửi Cục Kế hoạch và tài chính Giấy đề nghị cấp vốn đầu tư theo Mẫu số 01/ĐNCV ban hành kèm theo Thông tư này; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo mẫu số 03.a/TT Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và các tài liệu có liên quan.

6. Cục Kế hoạch và tài chính tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đủ điều kiện cấp vốn theo kế hoạch, Cục Kế hoạch và tài chính thực hiện cấp vốn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thông báo cấp vốn gửi chủ đầu tư;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Cục Kế hoạch và tài chính hướng dẫn chủ đầu tư bổ sung hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 ngày và thực hiện cấp vốn sau khi chủ đầu tư nộp đủ hồ sơ, đủ điều kiện theo điểm a khoản này;

c) Trường hợp không đủ điều kiện cấp vốn, Cục Kế hoạch và tài chính có văn bản gửi chủ đầu tư từ chối cấp vốn và nêu lý do từ chối cấp vốn trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

7. Sau khi được cấp vốn đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm kiểm soát, thanh toán tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành cho các nhà thầu, đơn vị thực hiện dự án theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 7. Quản lý, thanh toán vốn qua hệ thống Kho bạc Nhà nước

1. Nhiệm vụ, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước không thuộc quy định tại Điều 5 Thông tư này thực hiện quản lý, thanh toán vốn qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn của dự án đầu tư được phân bổ và danh mục dự án đầu tư thực hiện thanh toán vốn qua Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư mở tài khoản theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

3. Chủ đầu tư lập hồ sơ thanh toán vốn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP gửi hồ sơ cho Kho bạc Nhà nước và thực hiện tạm ứng, thanh toán vốn theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 12 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi cho Cục Kế hoạch và tài chính các tài liệu sau để quản lý, theo dõi số vốn đã giải ngân của đơn vị qua Kho bạc Nhà nước, gồm:

a) Hồ sơ pháp lý của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP (gửi đồng thời khi lần đầu gửi Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều này hoặc khi hồ sơ pháp lý điều chỉnh, bổ sung được cấp thẩm quyền phê duyệt);

b) Bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng, phụ lục hợp đồng và hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi ký hợp đồng;

c) Giấy đề nghị thanh toán vốn theo Mẫu số 04.a/TT ban hành kèm theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi được Kho bạc Nhà nước chấp nhận thanh toán.

Điều 8. Chế độ báo cáo vốn đầu tư

Chủ đầu tư lập báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư hàng quý theo Mẫu số 02/BCVĐT ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; hàng năm trước ngày 15 tháng 02 năm sau gửi về Cục Kế hoạch và tài chính.

Mục 2
QUYẾT TOÁN THEO NIÊN ĐỘ

Điều 9. Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán, nội dung, biểu mẫu báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Chủ đầu tư thực hiện khóa sổ kế toán để lập báo cáo quyết toán theo niên độ khi kết thúc năm ngân sách theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

2. Nội dung báo cáo quyết toán theo niên độ thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

3. Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo niên độ thực hiện theo Mẫu số 03/QTNĐ ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với dự án thanh toán vốn qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, số liệu tại báo cáo quyết toán theo niên độ phải có đối chiếu, xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

Điều 10. Thời hạn lập, gửi và xét duyệt báo cáo quyết toán theo niên độ

1. Chủ đầu tư lập thuyết minh, báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Cục Kế hoạch và tài chính trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

2. Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm:

a) Xét duyệt và thông báo xét duyệt quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách của từng chủ đầu tư;

b) Tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ toàn ngành, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an phê duyệt, gửi Bộ Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm sau năm quyết toán theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Mục 3

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt, cơ quan thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

a) Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt quyết toán đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án quan trọng khác sử dụng vốn nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thuộc Bộ Công an quản lý;

b) Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp Cục Kế hoạch và tài chính phê duyệt quyết toán các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C, trừ dự án thuộc điểm c khoản này;

c) Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp Công an các đơn vị, địa phương phê duyệt quyết toán đối với các dự án theo hạn mức tổng mức đầu tư được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư;

d) Đối với dự án có vốn địa phương do Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư: Chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền của địa phương phê duyệt quyết toán;

đ) Đối với dự án có vốn địa phương do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương quyết định đầu tư theo hạn mức tổng mức đầu tư được phân cấp, ủy quyền: Thẩm quyền phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán đối với dự án thuộc điểm a, điểm b khoản 1 Điều này:

a) Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng: Cục Kế hoạch và tài chính thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phê duyệt hoặc phê duyệt quyết toán theo phân cấp;

b) Đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng:

Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán của chủ đầu tư và thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp.

Cục Quản lý xây dựng và doanh trại có trách nhiệm thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành; có thông báo kết quả thẩm tra quyết toán gửi chủ đầu tư và Cục Kế hoạch và tài chính.

3. Cơ quan thẩm tra quyết toán đối với các dự án thuộc điểm c khoản 1 Điều này:

a) Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng: Bộ phận Tài chính của Công an các đơn vị, địa phương thẩm tra, báo cáo Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

b) Đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng: Bộ phận Xây dựng, hậu cần của Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thẩm tra về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành, gửi bộ phận Tài chính của Công an các đơn vị, địa phương để chủ trì thẩm tra, báo cáo Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp Công an các đơn vị, địa phương được phân cấp phê duyệt quyết toán xét thấy không có đủ cán bộ chuyên môn và năng lực thực hiện nội dung được phân cấp thì gửi báo cáo kèm hồ sơ quyết toán về cơ quan thẩm tra tại khoản 2 Điều này để thẩm tra, phê duyệt quyết toán như đối với dự án không được phân cấp.

4. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Công an hoặc người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ công tác thẩm tra (gồm đại diện cơ quan thẩm tra và đơn vị có liên quan) để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán.

Điều 12. Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Dự án nhóm A, dự án nhóm B sử dụng vốn nhà nước trong Công an nhân dân phải kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Dự án nhóm C do người quyết định đầu tư xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị thực hiện kiểm toán độc lập của chủ đầu tư.

Đối với dự án đầu tư bí mật nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiêm tổ chức quản lý tài liệu theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình thuê tư vấn và thực hiện kiểm toán độc lập.

2. Đối với dự án được cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra thực hiện kiểm toán, thanh tra: Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán dự án sử dụng kết quả báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, kết luận thanh tra của cơ quan thanh tra làm căn cứ để thẩm tra theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

3. Sau khi có kết quả kiểm toán, chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp thu, giải trình bằng văn bản các nội dung kiểm toán kiến nghị và bổ sung vào hồ sơ quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán

1. Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng:

Hồ sơ quyết toán gửi Cục Kế hoạch và tài chính thực hiện theo quy định tại

Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (sau đây gọi chung là Thông tư số 91/2025/TT-BTC).

2. Đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng:

a) Hồ sơ quyết toán gửi Cục Quản lý xây dựng và doanh trại: Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 91/2025/TT-BTC và kèm theo file mềm các tài liệu sau: Dự toán, giá dự thầu, bảng tính giá trị đề nghị quyết toán hợp đồng (sau đây gọi là quyết toán A-B). Trường hợp nhà thầu vi phạm hợp đồng, trong quá trình lập hồ sơ quyết toán, chủ đầu tư chịu trách nhiệm xác định khối lượng, giá trị phạt hợp đồng và đề xuất giảm trừ giá trị hợp đồng, giá trị quyết toán A-B để cơ quan thẩm tra có cơ sở xác định giá trị quyết toán;

b) Hồ sơ quyết toán gửi Cục Kế hoạch và tài chính (thực hiện sau khi Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành), gồm: Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, hồ sơ trình thẩm tra quyết toán theo quy định tại điểm a khoản này; báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc đầu tư; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại; văn bản giải trình, báo cáo việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra, đơn vị kiểm toán độc lập, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại (nếu có).

3. Khi giao nhận hồ sơ quyết toán, chủ đầu tư phải lập Phiếu giao nhận với đại diện phòng chức năng của cơ quan thẩm tra quyết toán theo Mẫu số 12/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 91/2025/TT-BTC.

4. Cơ quan thẩm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ quyết toán:

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đủ điều kiện quyết toán, cơ quan thẩm tra, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 44 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, rõ ràng, cơ quan thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung các tài liệu hoặc giải trình làm rõ hồ sơ quyết toán trong thời hạn 03 ngày làm việc. Hết thời hạn quy định, chủ đầu tư chưa xuất trình được các tài liệu theo yêu cầu hoặc không có báo cáo giải trình bằng văn bản, cơ quan thẩm tra có thông báo không quyết toán phần khối lượng, giá trị không đủ cơ sở pháp lý; chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung này.

5. Trường hợp nhà thầu không thực hiện quyết toán theo quy định và hướng dẫn của Bộ Công an, chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện. Sau 15 ngày kể từ khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 (mỗi văn bản cách nhau ít nhất 10 ngày), nhà thầu vẫn không thực hiện các nội

dung theo yêu cầu; chủ đầu tư căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Thời gian lập hồ sơ, thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán: thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

2. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP;

b) Đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng thuộc điểm a, điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư này: Thời gian tối đa thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 13 Thông tư này như sau:

Dự án	Quan trọng quốc gia	Nhóm A	Nhóm B	Nhóm C
Thời gian Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thẩm tra	100 ngày	100 ngày	60 ngày	45 ngày
Thời gian Cục Kế hoạch và tài chính thẩm tra	140 ngày	140 ngày	90 ngày	75 ngày
Thời gian phê duyệt quyết toán	30 ngày	30 ngày	20 ngày	15 ngày

b) Đối với dự án thuộc điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này: Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Xử lý sau quyết toán

1. Nơi nhận quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được gửi cho các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư; cơ quan tiếp nhận tài sản; Cục Quản lý xây dựng và doanh trại (đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng); Kho bạc nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản (đối với dự án đầu tư thanh toán qua Kho bạc Nhà nước); Cục Kế hoạch và tài chính; Bộ Tài chính (đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư).

2. Lưu trữ hồ sơ:

a) Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ra thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng, tiến độ dự án có cấu phần xây dựng của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại và quyết định phê duyệt quyết toán vốn

đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm nhận lại và lưu trữ toàn bộ hồ sơ quyết toán đã được thẩm tra ở Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Cục Kế hoạch và tài chính;

b) Cục Kế hoạch và tài chính lưu trữ tờ trình và báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng, tiến độ dự án hoàn thành; quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và báo cáo thẩm tra quyết toán;

c) Cục Quản lý xây dựng và doanh trại lưu trữ tờ trình và báo cáo quyết toán của chủ đầu tư; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng, tiến độ dự án có cấu phần xây dựng.

3. Xử lý vốn thiếu, thừa sau khi phê duyệt quyết toán:

a) Các dự án sau khi được phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn thì được bố trí đủ kế hoạch vốn để thanh toán. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp khi dự án được cấp đủ vốn theo giá trị quyết toán;

b) Đối với các dự án thanh toán qua Bộ Công an: Trường hợp còn thừa vốn sau khi phê duyệt quyết toán, chủ đầu tư nộp về ngân sách nhà nước theo quy định;

c) Đối với các dự án thanh toán vốn qua hệ thống Kho bạc Nhà nước: Chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và làm thủ tục tất toán tài khoản với Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản.

4. Đối với các dự án quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư này:

a) Trong vòng 07 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư gửi về Cục Kế hoạch và tài chính quyết định phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành, báo cáo thẩm tra quyết toán và văn bản của chủ đầu tư báo cáo, đề xuất các nội dung liên quan đến việc xử lý nguồn vốn sau quyết toán dự án;

b) Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm rà soát các nội dung nêu tại điểm a khoản 4 Điều này và có văn bản thông báo cho chủ đầu tư để hướng dẫn ghi giảm số vốn đã cấp cho dự án và xử lý số vốn thừa, thiếu (nếu có).

Điều 16. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Cục Kế hoạch và tài chính là cơ quan chủ trì tổ chức thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Đối với các dự án phân cấp Công an các đơn vị, địa phương phê duyệt quyết toán, Công an đơn vị, địa phương không thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án do đơn vị mình là chủ đầu tư.

2. Khi dự án được phê duyệt quyết toán, căn cứ văn bản đề nghị thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chủ đầu tư chuyển tiền về Cục Kế hoạch và tài chính. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được quản lý, sử dụng như sau:

a) Đối với các dự án có cấu phần xây dựng: Cục Kế hoạch và tài chính quản lý, sử dụng 60% và chuyển cho Cục Quản lý xây dựng và doanh trại 40% chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán do chủ đầu tư nộp về để quản lý, sử dụng;

b) Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng: Cục Kế hoạch và tài chính quản lý, sử dụng 100% chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán do chủ đầu tư nộp về.

3. Đối với các khoản chi trả thù lao cho các cá nhân thuộc diện phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định, các đơn vị thực hiện khấu trừ thuế trước khi chi trả theo quy định.

4. Đơn vị được giao quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán xây dựng Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo nội dung chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Chế độ báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

1. Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, chủ đầu tư lập báo cáo tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước năm theo Mẫu số 04/QTDA và Mẫu số 05/QTDA ban hành kèm theo Thông tư này gửi về Cục Kế hoạch và tài chính và Cục Quản lý xây dựng và doanh trại (đối với dự án có cấu phần xây dựng).

2. Chậm nhất đến ngày 28 tháng 02 hàng năm, Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp, báo cáo tình hình quyết toán vốn dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước ngành Công an, gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Mục 4
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Cục Kế hoạch và tài chính

1. Tiếp nhận, cấp vốn kịp thời, đúng thời hạn, đầy đủ cho các dự án đầu tư thanh toán qua Bộ Công an đủ điều kiện; có ý kiến bằng văn bản cho chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối cấp vốn, trả lời các vướng mắc của chủ đầu tư trong việc thanh toán vốn; tạm dừng cấp vốn khi chủ đầu tư vi phạm quy định về quản lý, sử dụng vốn được cấp hoặc không chấp hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư theo quy định.

2. Đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng, công nợ; phối hợp chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi ngay những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích, tất toán tài khoản của các dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

3. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về tình hình thanh toán, quyết toán dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

4. Chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thẩm tra quyết toán trên cơ sở hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do chủ đầu tư cung cấp.

5. Định kỳ hoặc đột xuất chủ trì tổ chức kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, tình hình thực hiện công tác quyết toán vốn dự án hoàn thành và việc thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án theo phân cấp, ủy quyền của Bộ Công an. Trong quá trình kiểm tra phát hiện có sai sót, vi phạm thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại

1. Chủ trì, phối hợp Cục Kế hoạch và tài chính:

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá về chất lượng, khối lượng, việc tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện dự án có cấu phần xây dựng;

b) Theo dõi, đôn đốc các chủ đầu tư lập, trình duyệt hồ sơ quyết toán dự án có cấu phần xây dựng hoàn thành. Tập hợp danh sách nhà thầu vi phạm các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, chậm lập hồ sơ quyết toán để báo cáo lãnh đạo Bộ và thông báo cho Công an các đơn vị, địa phương.

2. Thực hiện kiểm tra nghiệm thu công trình hoàn thành kịp thời theo quy định để đảm bảo thời gian bàn giao công trình và lập hồ sơ quyết toán của chủ đầu tư.

3. Thực hiện thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng, tiến độ dự án hoàn thành đảm bảo thời gian quy định.

4. Chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thẩm tra hồ sơ pháp lý, chất lượng, khối lượng, tiến độ do mình thực hiện trên cơ sở hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện dự án, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và các trách nhiệm được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm soát, lập danh sách nhà thầu từng vi phạm các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, chậm lập hồ sơ quyết toán, báo cáo về Cục Quản lý xây dựng và doanh trại, Cục Kế hoạch và tài chính để tổng hợp.

Kết quả công tác quyết toán dự án hoàn thành là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể, cá nhân có liên quan và người đứng đầu đơn vị. Chủ đầu tư có dự án vi phạm thời gian quyết toán dự án hoàn thành quá 12 tháng so với quy định sẽ xem xét, chưa được bố trí vốn khởi

công mới để tập trung giải quyết quyết toán và không được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có liên quan.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì nội dung dẫn chiếu Thông tư này thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Bãi bỏ các văn bản sau: Thông tư số 58/2013/TT-BCA ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, cấp phát và thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình trong Công an nhân dân và Thông tư số 04/2019/TT-BCA ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước trong Công an nhân dân.

4. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 35/2025/TT-BCA ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

"1. Thông tư này quy định một số nội dung về thẩm quyền, phân cấp, ủy quyền quyết định, phê duyệt trong hoạt động đầu tư, mua sắm; thực hiện hoạt động đầu tư, mua sắm; cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa; thanh toán kinh phí mua sắm; kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 1 như sau:

"2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Việc đầu tư đối với dự án có cấu phần xây dựng công trình; quản lý, thanh toán, quyết toán dự án đầu tư mua sắm."

c) Sửa đổi tên Mục 5 Chương 2 thành "Kiểm soát, cấp phát, thanh toán kinh phí mua sắm".

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"1. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí mua sắm được thực hiện theo đúng dự toán được giao, đúng nguồn kinh phí, điều kiện chi và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn kinh phí.

2. Đối với hình thức lệnh chi tiền, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị cấp có thẩm quyền cấp kinh phí về tài khoản tiền gửi của Bộ Công an để cấp cho đơn vị mua sắm thanh toán cho nhà thầu."

đ) Bãi bỏ khoản 6 Điều 26, Điều 27 Thông tư số 35/2025/TT-BCA ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Nhiệm vụ, dự án đầu tư, công trình, hạng mục công trình đã gửi đủ hồ sơ trình thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định về Cục Kế hoạch và tài chính trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thẩm quyền phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BCA ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an về quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước trong Công an nhân dân.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Kế hoạch và tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

BỘ CÔNG AN
TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 01/ĐNCV
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BCA ngày 13/4/2026)

Số: .../ĐXCV-...

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VỐN ĐẦU TƯ
DỰ ÁN …
Nguồn vốn: …

Kính gửi: Cục Kế hoạch và tài chính

Căn cứ Văn bản số ... ngày ... về việc thông báo chỉ tiêu kế hoạch vốn dự án …;
Căn cứ tình hình thực hiện dự án ...;
Đơn vị đề nghị H01 cấp vốn … đồng về số tài khoản … tại Kho bạc nhà nước … *(ghi rõ số tài khoản tại nơi mở tài khoản của chủ đầu tư)*, cụ thể như sau:

1. **Tổng mức đầu tư dự án được duyệt: ... đồng.**
2. **Lũy kế vốn đã cấp cho dự án đến nay: ... đồng.**
- *Lũy kế vốn đã cấp đến 31/12 năm trước năm kế hoạch: ... đồng*
- *Số kế hoạch được giao trong năm kế hoạch đã cấp: ... đồng* ***(2)***

3. **Kế hoạch vốn được giao năm ...: ... đồng (1).**
4. **Số kế hoạch còn chưa cấp: … đồng (3) = (1) - (2).**
5. **Số vốn đề nghị cấp đợt này: ... đồng. Trong đó:**
   Bảng tổng hợp số liệu chi tiết:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị hợp đồng/phụ lục hợp đồng đã ký	Lũy kế vốn đã cấp từ đầu dự án đến nay	Giá trị đã tạm ứng	Giá trị đã thu hồi tạm ứng	Lũy kế giá trị KLHT đã nghiệm thu đến nay	Giá trị đề nghị thu hồi tạm ứng đợt này	Đề nghị cấp vốn đợt này			Căn cứ cấp vốn
									Tổng cộng	*Tạm ứng*	*Thanh toán KLHT*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13
1	***Các gói thầu/công việc đã hoàn thành***											
1.1	*Gói thầu ...*											
1.2	*Gói thầu ...*											

1.3	*Gói thầu ...*											
2	***Các gói thầu/công việc đang thực hiện***											
1.1	*Gói thầu ...*											
1.2	*Gói thầu ...*											
1.3	*Gói thầu ...*											
3	***Các gói thầu/công việc chưa thực hiện***											
1.1	*Gói thầu ...*											
1.2	*...*											
4	***Dự phòng phí***											
	Tổng cộng											

***** ***Ghi chú:***

- Số vốn đề nghị tạm ứng (cột 11) và đề nghị thu hồi tạm ứng đợt này (cột 9) căn cứ vào điều kiện cụ thể trong hợp đồng.
- Số vốn đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành (cột 12) = (cột 8 x tỷ lệ thanh toán theo hợp đồng) - (cột 5) + (cột 6) - (cột 7) - (cột 9)

Đơn vị tư vấn QLDA (nếu có)	**Người lập biểu**	**Kế toán trưởng**	**Chủ đầu tư**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02/BCVĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BCA ngày 13/4/2026)

BỘ CÔNG AN
ĐƠN VỊ:....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ
Quý: ... năm: ...

I - Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên nguồn vốn - Dự án	Tổng mức đầu tư hoặc dự toán được duyệt	Kế hoạch vốn đầu tư năm nay và vốn được kéo dài (nếu có)	Lũy kế vốn được cấp đến đầu quý này	Vốn được cấp trong năm		Vốn đầu tư được quyết toán và giảm vốn		Lũy kế vốn được cấp đến cuối quý này	Ghi chú
					Trong quý	Từ đầu năm đến cuối quý	Trong quý	Từ đầu năm đến cuối quý		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10 = 5 + 6 - 8*	
A	**Nguồn vốn Bộ Công an**									
I	**Dự án có cấu phần xây dựng**									
1	**Nguồn vốn đầu tư phát triển**									
1.1	Dự án ...									
1.2	Dự án ...									
	...									
2	**Nguồn vốn đầu tư trong chi thường xuyên**									
2.1	Dự án ...									
2.2	Dự án ...									
	...									
	Cộng (I) = (1) + (2)									
II	**Dự án không có cấu phần xây dựng**									
1	Dự án ...									
2	Dự án …									
	...									
	Cộng (II)									
*	**Tổng cộng nguồn vốn Bộ cấp (I+II)**									
B	**Nguồn vốn khác (ghi rõ nguồn vốn)**									
1	Dự án ...									
2	Dự án ...									
	...									
	Cộng (B)									
*	**Tổng cộng các nguồn vốn (A+B)**									

Cột Ghi chú: Ghi phương án các dự án cấp qua hệ thống kho bạc nhà nước và các nội dung khác.

II - Thực hiện đầu tư

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu đến đầu quý này	Giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu tăng trong quý	Giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu giảm trong quý (do quyết toán, thanh tra, kiểm tra…)	Giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu đến cuối quý		
					Tổng số	Trong đó	
						Đã thanh toán	Còn phải thanh toán
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*8 = 3 + 4 - 6*	*9*	*10 = 8 - 9*
A	**Nguồn vốn Bộ Công an**						
I	**Dự án có cấu phần xây dựng**						
1	Dự án ...						
2	Dự án ...						
	…						
II	**Dự án không có cấu phần xây dựng**						
1	Dự án ...						
2	Dự án ...						
	…						
B	**Nguồn vốn khác**						
1	Dự án ...						
	…						
	Tổng cộng (A+B)						

Ghi chú: Thuyết minh lý do giá trị khối lượng thực hiện đã nghiệm thu giảm trong quý và các nội dung liên quan khác (nếu có)

III - Tình hình sử dụng vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt	Vốn được cấp				Vốn đã sử dụng			Vốn còn lại	Ước giá trị khối lượng đã thực hiện (gồm khối lượng đã nghiệm thu và chưa nghiệm thu)	So sánh nguồn vốn với khối lượng đã thực hiện
			Tổng số	Nguồn vốn đầu tư phát triển	Nguồn vốn thường xuyên trong an ninh	Vốn khác	Tổng số	Trong đó				
								Đã thanh toán cho khối lượng hoàn thành	Tạm ứng			
1	*2*	*3*	*4=5+6+7*	*5*	*6*	*7*	*8=9+10*	*9*	*10*	*11=4-8*	*12*	*13=4-12*
A	**Nguồn vốn Bộ Công an**											
I	**Dự án có cấu phần xây dựng**											
1	Dự án ...											
2	Dự án ...											
	…											
II	**Dự án không có cấu phần xây dựng**											
...												
B	**Nguồn vốn khác**											
	Tổng cộng (A+B)											

IV- Kiến nghị, đề xuất với cơ quan tài chính

Ngày tháng năm

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03/QTNĐ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BCA ngày 13/4/2026)

BỘ CÔNG AN
CHỦ ĐẦU TƯ
Số:

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NĂM NGÂN SÁCH 202…

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán		Số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi của các năm trước nộp điều chỉnh giảm trong năm quyết toán	Thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm quyết toán phần vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ khởi công đến hết năm ngân sách trước năm quyết toán	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán						Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch năm quyết toán						Số vốn nộp điều chỉnh giảm hoàn trả NSNN trong năm quyết toán do thực hiện kết luận của cơ quan thanh tra, KTNN … (không bao gồm số vốn đã nộp giảm trừ tại cột 8)	Tổng số vốn đã thanh toán khối lượng hoàn thành được quyết toán trong năm …	Lũy kế vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi đến hết năm quyết toán chuyển sang các năm sau	Lũy kế số vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm quyết toán
					Tổng số	Trong đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Vốn kế hoạch được kéo dài	Giải ngân			Vốn kế hoạch tiếp tục được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)	Vốn kế hoạch năm quyết toán	Giải ngân			Vốn kế hoạch được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm quyết toán (nếu có)	Số vốn còn lại chưa phân bổ, chưa giải ngân hủy bỏ (nếu có)					
										Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng				Tổng số	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=10-11-14	16	17=18+19	18	19	20	21=16-17-20	22	23=9+12+18	23=7-8-9+13+19	24=6-8+11+17-22
	TỔNG SỐ (A+B)																							
A	**Nguồn vốn Bộ Công an (I+II)**																							
I	**Dự án có cấu phần xây dựng (1+2)**																							
1	**Nguồn vốn đầu tư phát triển**																							
1.1	Dự án…																							
1.2	Dự án…																							
…																								

2	**Nguồn vốn đầu tư trong chi thường xuyên**																							
2.1	Dự án…																							
2.2	Dự án…																							
…																								
II	**Dự án không có cấu phần xây dựng**																							
1	Dự án…																							
2	Dự án…																							
…																								
B	**Nguồn vốn khác**																							
1	Dự án…																							
2	Dự án…																							
…	**…**																							

Hướng dẫn chung:
- Đối với các dự án thanh toán qua hệ thống Kho bạc nhà nước: Số liệu lấy trong Biểu đối chiếu xác nhận với KBNN nơi giao dịch gửi kèm theo Mẫu biểu này.
- Cột số 14, 15, 20, 21: Thể hiện số kéo dài hoặc số hủy bỏ theo văn bản thông báo của Bộ Công an đối với các dự án được phép kéo dài hoặc phải hủy bỏ theo quy định của nhà nước.

Đơn vị nộp báo cáo kèm thuyết minh báo cáo quyết toán niên độ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

..., ngày.... tháng..... năm....

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

BỘ CÔNG AN
TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 04/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BCA ngày 13/4/2026)

TỔNG HỢP BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM ....

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự án	Trong thời gian quyết toán theo quy định								Vi phạm quy định về thời gian quyết toán							
			Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu		Số dự án	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn đã giải ngân	Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	*Trong đó: ngân sách Bộ Công an*				*Tổng số*	*Trong đó: ngân sách Bộ Công an*		*Tổng số*	*Trong đó: ngân sách Bộ Công an*				*Tổng số*	*Trong đó: ngân sách Bộ Công an*
1	*2*	*3=4+12*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
A	**Dự án hoàn thành do Bộ Công an hoặc Cục Kế hoạch và tài chính phê duyệt quyết toán (=I+II+III)**																	
I	**Dự án đã được phê duyệt quyết toán**																	
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***																	
-	.....																	
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***																	
-	.....																	
II	**Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (=1+2)**																	
1	**Dự án không có cấu phần xây dựng**																	
-	.....																	
-	.....																	
2	**Dự án có cấu phần xây dựng**																	
a	Dự án đã gửi H02, chưa có Văn bản xác nhận kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành																	
-	.....																	
-	.....																	
b	Dự án đã có thông báo kết quả thẩm tra quyết toán về hồ sơ pháp lý, khối lượng, chất lượng và tiến độ dự án hoàn thành của Cục Quản lý xây dựng và doanh trại																	
-	.....																	
-	.....																	
III	**Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán**																	
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***																	
-	.....																	
-	.....																	
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***																	
-	.....																	
-	.....																	
B	**Dự án hoàn thành đơn vị được phân cấp phê duyệt quyết toán (=I+II)**																	
I	**Dự án đã được phê duyệt quyết toán**																	
-	.....																	
-	.....																	
II	**Dự án chưa được phê duyệt quyết toán**																	
-	.....																	
-	.....																	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG AN
TÊN ĐƠN VỊ

Mẫu số 05/QTDA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2026/TT-BCA ngày 13/4/2026)

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HOÀN THÀNH NĂM.....

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành TT	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*			*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*	*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*	*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*
	Tổng số (=A+B)												
	Dự án đã được phê duyệt quyết toán (=A.I + B.I)												
	Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán (=A.II + B.II)												
	Dự án đã hoàn thành, chưa nộp hồ sơ quyết toán (=A.III + B.III)												
A	**Trong thời gian quyết toán theo quy định (=I + II + III)**												
I	**Dự án đã được phê duyệt quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												
II	**Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												
III	**Dự án đã hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												
B	**Vi phạm quy định về thời gian quyết toán (=I + II + III)**												
I	**Dự án đã được phê duyệt quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												
II	**Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán, chưa được phê duyệt quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												
III	**Dự án đã hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán**												
1	***Dự án không có cấu phần xây dựng***												
1.1	Dự án...												
1.2	…												

STT	Nội dung	Tổng số dự án, nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành TT	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối của dự án		Giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	Giá trị quyết toán được duyệt (nếu có)	Vốn kế hoạch đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Vốn đã giải ngân		Vốn đầu tư công còn lại phải bố trí đến thời điểm báo cáo so với giá trị quyết toán được duyệt hoặc giá trị đề nghị quyết toán hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu	
				Tổng số	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*			*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*	*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*	*Tổng số*	*Trong đó ngân sách Bộ Công an*
2	***Dự án có cấu phần xây dựng***												
2.1	Dự án...												
2.2	…												

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)